

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DS-PT

Ngày: 28 - 5 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tặng
cho; Chia thừa kế theo pháp luật;
Trích công sức đóng góp vào
việc quản lý, tôn tạo di sản thừa
kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Hữu Xuân**

Bà **Phạm Thị Anh Trang**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Đàm Vân Nha** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Ông **Nguyễn Văn Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho; Chia thừa kế theo pháp luật; Trích công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956 (có mặt tại phiên tòa);

1.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 (có mặt tại phiên tòa);

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1971

(có mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971 (vắng mặt tại phiên tòa);

2.2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1990 (vắng mặt tại phiên tòa);

2.3. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1994 (vắng mặt tại phiên tòa);

2.4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 (vắng mặt tại phiên tòa);

2.5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 (vắng mặt tại phiên tòa);

2.6. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1979 (vắng mặt tại phiên tòa);

2.7. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985 (có mặt tại phiên tòa);

Người đại diện theo ủy quyền của các bà X, C, B1, T, N, P: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985 (có mặt tại phiên tòa);

2.8. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975 (có mặt tại phiên tòa);

2.9. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1977 (có mặt tại phiên tòa);

2.10. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1986 (vắng mặt tại phiên tòa);

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1971 (có mặt tại phiên tòa);

3.2. Bà Nguyễn Thị T1 và ông Phạm Văn X1 (đều đã chết)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T1, ông X1 (Đều xin xét xử vắng mặt):

3.2.1. Ông Phạm Văn T2 (đã chết)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T2:

- Bà Lữ Thị C2, sinh năm 1963 (vợ ông T2), các con của ông T2 bà C2:

- Phạm Thị Bạch Y, sinh năm 1982;

- Phạm Thị Quỳnh L3, sinh năm 1986;

- Phạm Công S, sinh năm 1989;

- Phạm Thanh P1, sinh năm 1991;

- Phạm Thị Quỳnh V, sinh năm 1995;

- Phạm Thị Quỳnh N1, sinh năm 2008.

3.2.2. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1967;

3.2.3. Ông Phạm Văn N2;

3.2.4. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1977;

3.2.5. Bà Phạm Thị T4, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

3.2.6. Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1978;

Địa chỉ: N, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.3. Ông Nguyễn Văn L4 (đã chết), bà Dương Thị T5, sinh năm 1950;

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L4:

3.3.1. Nguyễn Thị H4 (tên gọi khác: V1), sinh năm 1973 (xin xét xử vắng mặt);

3.3.2. Nguyễn Văn V2, sinh năm 1977 (có mặt tại phiên tòa);

3.3.3. Nguyễn Văn V3, sinh năm 1982 (xin xét xử vắng mặt);

3.3.4. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983 (xin xét xử vắng mặt);

3.3.5. Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1985 (xin xét xử vắng mặt);

3.3.6. Nguyễn Văn C3, sinh năm 1990 (xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

3.4. Bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: M1), ông Đào Văn M2 (đều đã chết);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M, ông M2: (Đều xin xét xử vắng mặt):

3.4.1. Đào Văn P2, sinh năm 1977;

3.4.2. Đào Thị P3 (tên gọi khác: C4), sinh năm 1981.

3.4.3. Đào Văn P4 (tên gọi khác: T6), sinh năm 1985;

3.4.4. Đào Văn P5 (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1988;

3.4.5. Đào Thị Kim T7 (tên gọi khác: C5), sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

3.5. Ông Nguyễn Văn M3 (đã chết), bà Nguyễn Thị M4, sinh năm 1956;

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M3: (Đều xin xét xử vắng mặt):

- 3.5.1. Nguyễn Thị L5, sinh năm 1980;
3.5.2. Nguyễn Văn N3 (tên gọi khác: Một), sinh năm 1988;
3.5.3. Nguyễn Thị H5 (tên gọi khác: C4), sinh năm 1986;
3.5.4. Nguyễn Minh H6 (tên gọi khác: Nguyễn Văn Đ1), sinh năm 1986;
3.5.5. Nguyễn Văn É (tên gọi khác: É), sinh năm 1993;
Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

3.6. Bà Nguyễn Thị C6, ông Nguyễn Hữu T8 (đều đã chết)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C6, ông T8: (Đều xin xét xử vắng mặt);

- 3.6.1. Nguyễn Thị Q2 (tên gọi khác: H1), sinh năm 1977;
3.6.2. Nguyễn Thị T9, sinh năm 1981;
3.6.3. Nguyễn Hữu K, sinh năm 1983;
3.6.4. Nguyễn Hữu K1, sinh năm 1984;
3.6.5. Nguyễn Hữu K2, sinh năm 1985;
3.6.6. Nguyễn Thị C7, sinh năm 1987;
3.6.7. Nguyễn Thị L6, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

3.7. Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1952 (Xin xét xử vắng mặt);

3.8. Ông Nguyễn Văn C8, sinh năm 1949 (đã chết, không có vợ con).

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Người kháng cáo: Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Cha mẹ các bà là cụ Nguyễn Đ3, cụ Nguyễn Thị L7. Cụ Đ3, cụ L7 có 09 người con chung gồm: Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn L4, Nguyễn Văn M5, Nguyễn Thị M (M), Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn M3, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị C6, Nguyễn Thị L, tại phiên tòa sơ thẩm các bà bổ sung có thêm ông Nguyễn Văn C8, tổng cộng 10 người con, không có ai hạn chế năng lực hành vi hoặc mất khả năng lao động.

Cụ Nguyễn Đ3, cụ Nguyễn Thị L7 không có con nuôi, con riêng nào khác. Vào năm 1945, cha mẹ các bà có khai hoang vùng đất có tục danh Láng Tăm D - Đá Bàn (hướng Bắc Cây Me B, thuộc xã P), có vị trí tứ cận: Đông giáp đất ông Sáu N4; Tây giáp đất ông Mười Đ4; Nam giáp đất ông Nguyễn Văn M5; Bắc giáp đất suối bà H7. Sau khi khai hoang cha mẹ các bà canh tác, trồng cây hoa màu như bắp, dưa, mì, đậu ... Cha mẹ canh tác ổn định, đến năm 1977 cha mẹ các bà phân chia cho mỗi người con một phần để làm ăn. Sau khi chia đất cho các anh chị em các bà được một thời gian thì có người bán, có người vẫn còn sử dụng, phần còn lại khoảng 02 ha cha mẹ các bà và các bà trực tiếp canh tác, quản lý, sử dụng vì các bà không lập gia đình ở cùng cha mẹ nên chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ lúc già. Các bà đã có quá trình canh tác sử dụng ổn định từ năm 1977 đến nay không ai tranh chấp, năm 2021 các bà có liên hệ với chính quyền địa phương để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 33, diện tích khoảng 02 ha xã P thì các chị em bà Nguyễn Thị X làm đơn ngăn chặn trong khi đó các bị đơn không có giấy tờ để chứng minh nguồn gốc thửa đất nêu trên.

Nay các bà yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng với diện tích 20.000m² cho các bà. Cha các bà là cụ Nguyễn Đ3, chết năm 1995, mẹ là Nguyễn Thị L7, chết năm 2016, có để lại di chúc. Các bà khẳng định sau khi cha, mẹ các bà có lập Giấy di chúc cho tài sản đất cho con lập ngày 21-10-2010 như các bà cung cấp cho Tòa án. Vì các bà và ông Nguyễn Văn L4, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn M3 chứng kiến bà L7 lập di chúc này, di chúc này lập có xác nhận trưởng thôn ông Lê Văn D1 xác nhận.

Di sản của cụ Đ3, cụ L7 chết để lại là: Diện tích đất 02 hecta đất tại khu vực đất có tục danh là Láng Tăm D - Đ (hướng Bắc Cây Me B, thuộc xã P). Qua đo đạc thực tế, bà chỉ đo, xác định yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất là diện tích đất (1,2,3,...,24,25) 55.676m². Tuy nhiên, sau khi được Tòa án công bố Trích lục bản đồ địa chính ngày 21 - 9 - 2022 thì các bà xác định lại, đồng ý kết quả chỉ đo đất của cha mẹ các bà chỉ đo, xác định để xác định lại diện tích đất của các bà yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất là diện tích đất giới hạn (1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13) thuộc Thửa 297, diện tích 20.000m², tờ bản đồ địa chính số 33, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Vì vậy, các bà yêu cầu Tòa án đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N - C11 vẽ lại Trích lục bản đồ để xác định lại diện tích các bà tranh chấp với các bị đơn là 20.000m² được giới hạn từ các điểm (1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13) kéo tịnh tiến xuống hướng Nam thửa đất cho đủ 20.000m²; Các phần đất gồm: Diện tích đất lần đường theo bản đồ địa chính năm 1997 là 59 m²; Diện tích đất lần trích lục số 194 của ông Nguyễn Văn M5 ký

ngày 22/05/2015 là 3.367m² và phần đất còn lại khoảng 32.250m² sau khi trừ đi phần đất các bà yêu cầu giải quyết là đất của ông Nguyễn Văn L4, các phần đất này các bà không yêu cầu giải quyết. Việc các bị đơn là chị em bà Nguyễn Thị X yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần của ông Nguyễn Văn M5 đối với diện tích đất các bà tranh chấp yêu cầu là 20.000 m² được giới hạn từ các điểm (1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13) kéo tịnh tiền xuống hướng Nam thừa đất cho đủ 20.000 m² thì các bà không đồng ý vì đất này là đất của cha mẹ các bà phân chia cho các bà rồi.

Vì vậy, bà B bà L yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất giới hạn các điểm (1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13) thuộc Thửa 297, diện tích 20.000 m² do các bà chỉ đo tờ Bản đồ địa chính số 33 xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Tuy nhiên, khi giải quyết quyền sử dụng đất của cha mẹ thì các bà yêu cầu Tòa án giải quyết công sức đóng góp, tôn tạo, bảo quản di sản, các bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ lúc già yếu và được cha mẹ giao trực tiếp canh tác trên đất từ năm 1977 đến nay.

Về chi phí định giá tài sản, trích lục: Các bà yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Về án phí: Các bà yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị P là bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày và bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn C1 trình bày:

Các anh chị em bà đồng ý lời trình bày của bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L về những người con ruột của cụ Nguyễn Đ3, cụ Nguyễn Thị L7. Ngoài ra cụ Nguyễn Đ3, cụ Nguyễn Thị L7 không có con nuôi, con riêng nào khác. Cụ Nguyễn Đ3 chết năm 1995, cụ Nguyễn Thị L7 chết năm 2016, không để lại di chúc, cha bà là ông Nguyễn Văn M5.

Bị đơn đồng ý về trình bày nguồn gốc đất, quá trình sử dụng diện tích đất 20.000m² được giới hạn các điểm (1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13) thuộc Thửa 297 như bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L trình bày và diện tích 20.000m² được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13) theo Trích lục số 1844/2022 ngày 21/9/2022 của Văn phòng Đ - Chi nhánh T10. Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật xác định diện tích đất này là của cụ Nguyễn Đ3, cụ Nguyễn Thị L7 để lại để chia cho 10 người con trong đó có phần ông Nguyễn Văn M5 yêu cầu chia cho các chị em ruột được nhận, các ông bà sẽ tự thỏa thuận quản lý phần di sản của ông M5, không yêu cầu chia kỹ phần của ông M5 trong vụ án này. Bà Nguyễn Thị Thanh

H sẽ đại diện anh chị em là con của ông Nguyễn Văn M5 (đã chết) để quản lý phần di sản này.

Bản gốc Giấy di chúc cho tài sản đất cho con bà B, bà L lập ngày 21-10-2010 do nguyên đơn giữ, nộp cho Tòa án. Bị đơn kháng định Giấy di chúc cho tài sản đất cho con lập ngày 21 - 10 - 2010 là không hợp pháp nêu yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Vì vậy, bị đơn khởi kiện yêu cầu phán tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia thừa kế theo pháp luật xác định diện tích đất đang tranh chấp là của cụ Nguyễn Đ3, cụ Nguyễn Thị L7 để lại chia cho 10 người con trong đó có phần của ông Nguyễn Văn M5

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. *Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 (đã chết): Anh Phạm Văn T2 (đã chết, có vợ là Lữ Minh C9, các con: Phạm Thị Bạch Y, Phạm Thị Quỳnh L3, Phạm Công S, Phạm Thanh P1, Phạm Thị Quỳnh V, Phạm Thị Quỳnh N1); Anh Phạm Văn T3; Chị Phạm Thị H3; Anh Phạm Văn N2; Chị Phạm Thị H2; Chị Phạm Thị T4 trình bày:* Anh chị thừa nhận nguyên đơn trình bày về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế cũng như toàn bộ tài sản của cụ Nguyễn Đ3, cụ Nguyễn Thị L7; Đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý tặng cho kỹ phần của anh chị được nhận theo pháp luật của ông L4 cho bà B, bà L; Không đồng ý yêu cầu phán tố của bị đơn.

2. *Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn L4 (đã chết): Bà Dương Thị T5; Chị Nguyễn Thị H4 (V); Anh Nguyễn Văn V2; Anh Nguyễn Văn V3; anh Nguyễn Văn Q; Anh Nguyễn Văn C3; chị Nguyễn Thị Q3 trình bày:* Anh, chị thừa nhận nguyên đơn trình bày về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế cũng như toàn bộ tài sản của cụ Nguyễn Đ3, cụ Nguyễn Thị L7 để lại; Đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng đồng ý tặng cho kỹ phần của anh chị được phân theo pháp luật từ ông L4 cho bà B, bà L và không đồng ý với yêu cầu phán tố của bị đơn.

3. *Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M (M) (đã chết), ông Đào Văn M2 (đã chết): Anh Đào Văn P5 (tên gọi khác Đỏ); anh Đào Văn P4 (tên gọi khác Trành); anh Đào Văn P2; chị Đào Thị Kim T7 (tên gọi khác Chót); chị Đào Thị P3 (tên gọi khác C4) trình bày:* Anh, chị thừa nhận về trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế cũng như toàn bộ tài sản của cụ Nguyễn Đ3, cụ Nguyễn Thị L7 để lại; Đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng đồng ý tặng cho kỹ phần của anh chị được phân theo pháp luật từ bà M (M) cho bà B, bà L và không đồng ý với yêu cầu phán tố của bị đơn.

4. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn M3 (đã chết): Bà Nguyễn Thị M4; Chị Nguyễn Thị L5; A Nguyễn Minh H6 (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ1); Anh Nguyễn Văn N3 (tên gọi khác Nguyễn Văn M6); Chị Nguyễn Thị H8 (tên gọi khác Nguyễn Thị C10); Anh Nguyễn Văn É (tên gọi khác Nguyễn Văn É1) trình bày: A, chị thừa nhận nguyên đơn trình bày về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế cũng như toàn bộ tài sản của cụ Nguyễn Đ3, cụ Nguyễn Thị L7 để lại; Đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý tặng cho kỷ phần của anh chị được phân theo pháp luật từ ông M3 cho bà B, bà L và không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

5. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C6 (đã chết), ông Nguyễn Hữu T8 (đã chết): Chị Nguyễn Thị Q2 (tên gọi khác H1); Chị Nguyễn Thị T9; Anh Nguyễn Hữu K; Anh Nguyễn Hữu K2; Chị Nguyễn Thị C10; Anh Nguyễn Hữu K1; Chị Nguyễn Thị L6 trình bày: Anh, chị thừa nhận nguyên đơn trình bày về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế cũng như toàn bộ tài sản của cụ Nguyễn Đ3, cụ Nguyễn Thị L7 để lại; Đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng đồng ý tặng cho kỷ phần của anh chị được phân theo pháp luật từ bà C6 cho bà B, bà L và không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ2 trình bày: Ông đồng ý trình bày của nguyên đơn bà B, bà L. Ông đồng ý tặng cho kỷ phần của ông được phân theo pháp luật cho bà B, bà L và không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn, ông không có khiếu nại, tranh chấp gì.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 trình bày: Ông đồng ý trình bày của nguyên đơn bà B, bà L. Ông đồng ý tặng cho kỷ phần của ông Nguyễn Văn M7 được phân theo pháp luật từ ông M7 mà ông được nhận và ông cho bà B, bà L; Không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn; Không có khiếu nại, tranh chấp gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 5, Điều 6, khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, 1T5, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 652, 656 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 623, 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L. Công nhận quyền sử dụng diện tích đất 19.173,55m² cho bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L thuộc thửa đất số 297, tờ Bản đồ số 33 xã P, huyện T.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của các bị đơn đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Các bị đơn được nhận di sản thừa kế đối với diện tích 826,45m² thuộc thửa đất số 299, tờ bản đồ số 33 xã P.

- Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu trích công sức đóng góp, bảo quản, tôn tạo di sản.

- Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho kỹ phần thừa kế của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T1, ông L4, bà M, bà C6, ông M3 và ông Đ2, ông L1 tặng cho bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L.

1. Phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đ3, bà Nguyễn Thị L7 cho những người thừa kế, cụ thể như sau:

1.1. Chia cho bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L phần diện tích đất 19.173,55 m² thuộc diện tích đất được giới hạn (1,2,3,4,5,6,7,8,,9,10,B,A,13) thuộc thửa số 297, tờ Bản đồ số 33 xã P, có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa số 12;
- Hướng Tây giáp thửa số 108;
- Hướng Nam giáp thửa số 298;
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 12.

1.2. Chia cho các bị đơn bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn C1, được nhận phần thừa kế của ông Nguyễn Văn M5 để lại (trừ phần ông L1) phần diện tích đất 826,45m² thuộc diện tích đất được giới hạn (11,12,A,B) thuộc Thửa số 299, tờ bản đồ số 33 xã P, có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa số 12;
- Hướng Tây giáp thửa số 108;
- Hướng Nam giáp thửa số 298;
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 297.

Các bị đơn bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn

Thị H1, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn C1 đồng ý tạm giao cho bà Nguyễn Thị Thanh H quản lý 826,45 m² thuộc diện tích đất được giới hạn (11,12,A,B) thuộc thửa đất số 299, tờ bản đồ số 33 xã P.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/10/2023, các nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận toàn bộ diện tích thửa đất 20.000m² thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L.

Ngày 06/10/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xác định diện tích đất 20.000m² là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ5, Nguyễn Thị L7 và chia cho 9 người thừa kế.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa. Phiên tòa được mở lần thứ nhất, một số đương sự vắng mặt đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt cũng như có mặt người đại diện hợp pháp nên Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử vụ án theo đề nghị của Kiểm sát viên.

- Đơn kháng cáo của những người kháng cáo hợp lệ nên được xem xét, giải quyết.

- Các đương sự thừa nhận tài sản là quyền sử dụng đất đang tranh chấp, diện tích 20.000m² là di sản thừa kế nên Tòa án cấp sơ thẩm phân chia và tính công sức cho nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu được toàn quyền sử dụng 20.000m² cũng như bị đơn kháng cáo yêu cầu không tính công sức cho nguyên đơn thì đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận, vì nội dung kháng cáo của hai bên đều không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng

[1.1] Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo có mặt tại phiên tòa. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

[1.2] Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo của những người kháng cáo hợp lệ nên được Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[2] Các đương sự không tranh luận

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn và bị đơn:

[3.1] Các đương sự thừa nhận quyền sử dụng thửa đất số 297, tờ bản đồ số 33 xã P, huyện T, diện tích 20.000m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản của vợ chồng cụ Nguyễn Đ5, Nguyễn Thị L7. Vợ chồng cụ Nguyễn Đ5, Nguyễn Thị L7 sinh được 10 người con chung, một người chết trẻ chưa có vợ, con còn lại chín người gồm: Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn L4, ông Nguyễn Văn M5, bà Nguyễn Thị M (M), bà Nguyễn Thị C6, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn M3, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L. Trong số 09 người thừa kế hiện nay còn sống ba người gồm: Ông Nguyễn Văn Đ2, bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L. Tòa án cấp sơ thẩm xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất cũng như những người thừa kế chuyển tiếp vào tham gia tố tụng đầy đủ, đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thống nhất diện và hàng thừa kế cũng như thời điểm cụ Nguyễn Đ5 chết là ngày 16/8/1995, cụ Nguyễn Thị L7 chết ngày 25/02/2016.

[3.2] Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L cho rằng khi cụ L7, cụ Đ5 còn sống đã phân chia đất cho những người con khác, riêng bà B, bà L chưa được phân chia đất. Thửa đất tranh chấp trước đây cụ Đ5, cụ L7 phân chia cho ông Nguyễn Văn L4 sau đó ông L4 tặng cho các bà B, L. Giấy cho đất con – cái được lập ngày 21/10/2010 (Giấy cho đất), cụ L7 thể hiện ý chí cho các bà B, L thửa đất số 297, có dấu lặn tay dưới mục ghi tên Nguyễn Thị L7. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H cho rằng chữ ký của bà Nguyễn Thị C6 là không phù hợp vì bà C6 đã chết trước đó. Thực tế bà Nguyễn Thị C6 đã chết trước ngày 21/10/2010, nên bà C6 tham gia ký tên vào giấy cho đất là không đúng sự thật. Những người thừa kế của bà C6 tặng cho bà L, bà B ký phần thừa kế nên tình tiết chữ ký của bà C6 trong giấy cho đất không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người thừa kế của bà C6. Bị đơn không yêu cầu giám định dấu vân tay của cụ L7. Đa số những người thừa kế đều khai rằng cụ L7 có tặng, cho các bà B, L thửa đất số 297 và trường hợp Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật thì đồng ý tặng ký phần cho các bà B, L. Như vậy, những tình tiết này phù hợp ý chí của cụ L7 theo nội dung giấy cho đất con - cái được lập ngày 21/10/2010, nên Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ xác định cụ L7 có quyền định đoạt ½ diện tích đất của thửa số 297 cộng với ký phần thừa kế mà cụ L7 được hưởng khi phân di sản của cụ Đ5 được chia theo pháp luật, nên cụ L7 chỉ được tặng, cho bà B, bà L trong phạm vi đất thuộc quyền của

cụ L7. Nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được sử dụng toàn bộ diện tích 20.000m² của thửa đất số 297 là không có căn cứ. Các bị đơn phản tố yêu cầu đưa tổng diện tích đất 20.000m² để chia thừa kế theo pháp luật là không có căn cứ mà yêu cầu phản tố của các bị đơn chỉ được chấp nhận đối với phần tài sản của cụ Đ5 là 10.000m² như phân tích đánh giá của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3.3] Sổ mục kê của xã P thửa đất 297 được quy chủ cho ông Nguyễn Văn L4, những người thừa kế của ông Nguyễn Văn L4 xác định tặng, cho các bà B, L ký phần thừa kế. Các bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L là người sử dụng đất sau cùng nên Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức giữ gìn di sản tương ứng 01 ký phần thừa kế là phù hợp với tinh thần của Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 04 năm 2016, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không viện dẫn quy định của Án lệ là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần tài sản của cụ Nguyễn Văn Đ5 là 10.000m² được chia thừa kế theo pháp luật cho cụ Nguyễn Thị L7 và 09 người con chung và 01 suất tương ứng ký phần giữ gìn di sản; Công nhận những người thừa kế chuyển tiếp của các ông, bà: Nguyễn Văn L4, Nguyễn Thị M (M), Nguyễn Thị C6, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn M3, cũng như cá nhân ông Nguyễn Văn L1 tặng cho các bà B, L ký phần thừa kế nên các bà L, B được nhận quyền sử dụng đất là: 19.173,55m² đất; Những người thừa kế chuyển tiếp của ông Nguyễn Văn M5 gồm các bà: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn C1 được nhận quyền sử dụng đất là 826,45m². (Ông Nguyễn Văn L8 – là con ông Nguyễn Văn M5 đã tặng cho bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L ký phần).

Tòa án cấp sơ thẩm phân chia thừa kế cho nguyên đơn, bị đơn được nhận ký phần thừa kế bằng quyền sử dụng đất là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Do đó, các nguyên đơn kháng cáo yêu cầu được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 20.000m² của thửa đất số 297 là không có căn cứ, không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ diện tích 20.000m² cũng không có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận. Kiểm sát viên – VKSND tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm bác toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn cũng như bị đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Nguyên đơn và bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, giai đoạn xét xử phúc thẩm không phát sinh tình tiết hoặc chứng cứ mới làm

thay đổi nội dung vụ án nên Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm kể cả chi phí tố tụng cũng như án phí sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí dân sự phúc thẩm (Là người cao tuổi). Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308, Điều 313 khoản 6 của Bộ luật tố tụng dân sự

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DS-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị B.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002115 không ghi ngày tháng năm của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đ án phí được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002116, ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/5/2024./.

Nơi nhận:T

- TAND huyện T;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (50);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Hàng Lâm Viên